

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3638/2022/DS-ST

Ngày: 21/9/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Thị Phụng

2/ Ông Chu Mạnh Tường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2022/TLST- DS ngày 18 tháng 5 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6173/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH N

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Có người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Huyền T1 - sinh năm 1989

Địa chỉ: Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn yêu cầu vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 05/UQTA-XLTD.22 ngày 24/3/2022 của Công ty tài chính TNHH N)

2/ Bị đơn: Bà Mai Thị T2 - sinh năm 1965

Thường trú: phường E, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2022 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng:

Ngày 25/02/2019, bà Mai Thị T2 có ký hợp đồng tín dụng số 20190225-0002151 với Công ty tài chính TNHH N vay số tiền 49.900.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Mai Thị T2 có trách nhiệm thanh toán số tiền 77.876.886 đồng (bao gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu mỗi tháng trả 3.245.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.241.886 đồng. Bắt đầu trả nợ từ ngày 01/4/2019.

Thực hiện hợp đồng, bà T2 đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính TNHH N được 15 lần với tổng số tiền đã trả là 48.855.000 đồng. Kể từ ngày 30/09/2020 đến nay, bà Mai Thị T2 không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào dù công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty tài chính TNHH N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mai Thị T2 thanh lý hợp đồng và trả một lần cho công ty toàn bộ số tiền còn lại là 29.021.886 đồng, trong đó nợ gốc là 24.177.215 đồng, nợ lãi là 4.844.671 đồng.

Đồng thời, bà Mai Thị T2 tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngày 02/8/2022 đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt.

Bà Mai Thị T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường E, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà T2 có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt và bà Mai Thị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn bà Mai Thị T2 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 25/02/2019 bà T2 đã ký hợp đồng tín dụng số 20190225-0002151 với Công ty tài chính TNHH N để vay số tiền 49.900.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân và bà T2 có trách nhiệm thanh toán số tiền cả gốc và lãi là 77.876.886 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu mỗi tháng trả 3.245.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.241.886 đồng. Bắt đầu trả nợ từ ngày 01/4/2019.

Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Thực hiện hợp đồng bà T2 đã nhận đủ số tiền vay nhưng chỉ thanh toán được số tiền 48.855.000 đồng. Phần nợ còn lại đến nay bà T2 không thanh toán. Nay Công ty tài chính TNHH N yêu cầu bà T2 thanh toán toàn bộ số tiền còn lại là 29.021.886 đồng, trong đó nợ gốc là 24.177.215 đồng, nợ lãi là 4.844.671 đồng. Xét, các bên thỏa thuận bà T2 trả góp số tiền gốc và lãi đã vay cho Công ty tài chính TNHH N trong vòng 24 tháng, từ ngày 01/4/2019 đến ngày 01/3/2021. Căn cứ vào thỏa thuận này thì bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, quá hạn không thanh toán và không có khoản tiền lãi nào phát sinh thêm nên nay Công ty tài chính TNHH N khởi kiện yêu cầu bà T2 thanh toán số tiền còn lại là 29.021.886 đồng, trong đó nợ gốc 24.177.215 đồng, nợ lãi 4.844.671 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH N được chấp nhận nên bị đơn bà Mai Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.021.886 đồng x 5% = 1.451.094 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty tài chính TNHH N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Mai Thị T2 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính TNHH N số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 20190225-0002151 ngày 25/02/2019 là 29.021.886 (hai mươi chín triệu không trăm hai mươi một ngàn tám trăm tám mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là 24.177.215 (hai mươi bốn triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm mười lăm) đồng, nợ lãi là 4.844.671 (bốn triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm bảy mươi một) đồng.

Kể từ ngày Công ty tài chính TNHH N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Mai Thị T2 còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị T2 phải nộp 1.451.094 (một triệu bốn trăm năm mươi một ngàn không trăm chín mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty tài chính TNHH N số tiền tạm ứng án phí 725.547 (bảy trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm bốn mươi bảy) đồng Công ty tài chính TNHH N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0027157 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thủy